

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Đô;

2. Ông Đồng Văn Diện.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58 /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà B phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở có tình hiểu, tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 04/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh B.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến cuối năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng trong cuộc sống hằng ngày, trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B có 01 con là Nguyễn Bình M, sinh ngày 24/01/2008, hiện con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung.

Bản thân chị làm tự do thu nhập bình quân khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ/ tháng, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ theo địa chỉ số B, phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh, chị có thời gian để lo cho con. Gia đình chị không thuộc hộ nghèo hay cận nghèo theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn anh Phạm Văn B:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn B, tuy nhiên anh B không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn B vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con là: Nguyễn Bình M, sinh ngày 24/01/2008.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn B có nơi cư trú tại xã K, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Phạm Văn B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho thấy: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 04/4/2007. Do vậy hôn nhân giữa chị D và anh B là hôn nhân hợp pháp. Chị D xin ly hôn với anh B, tuy nhiên anh B không có ý kiến gì. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị D và anh B có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Do vậy cuộc sống vợ chồng chị D, anh B đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích nêu trên, cần xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B có 01 con là Nguyễn Bình M, sinh ngày 24/01/2008. Hiện con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị D. Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân chị D có việc làm, nơi ở ổn định nên chị D đủ điều kiện nuôi con, còn anh B đi làm ít về địa phương, bên cạnh đó con chung là Nguyễn Bình M gần đủ 18 tuổi và có lời khai có nguyện vọng ở cùng mẹ. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị Nguyễn Thị D có căn cứ nên cần giao cho chị D trực tiếp nuôi con là Nguyễn Bình M, sinh ngày 24/01/2008, là phù hợp với qui định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con là: Nguyễn Bình M, sinh ngày 24/01/2008.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001867 ngày 30/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-Bắc Ninh;
- UBND xã Kép;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang

